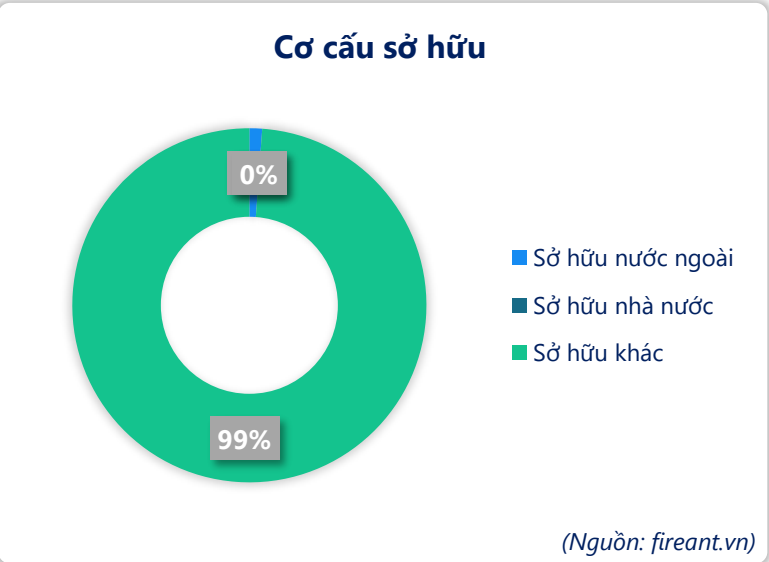
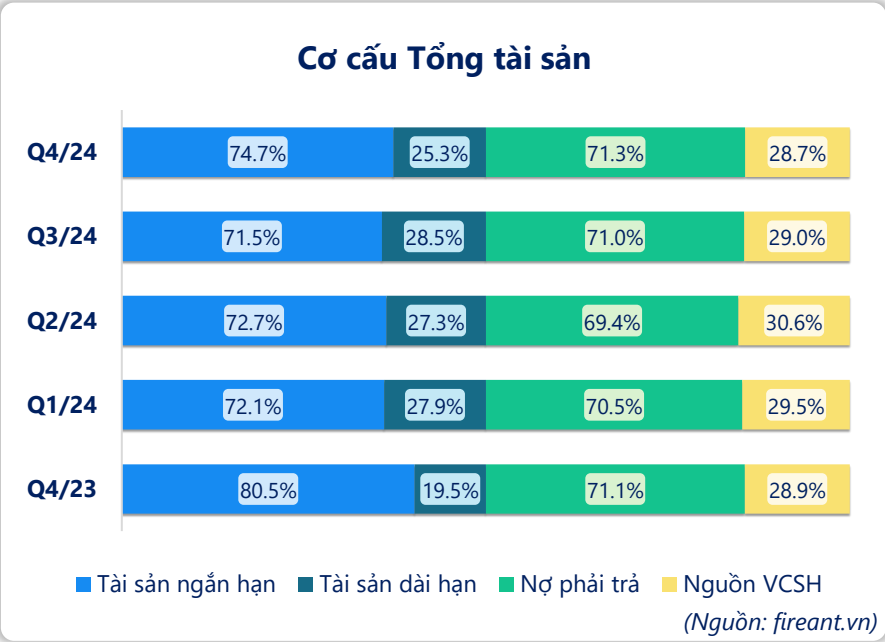
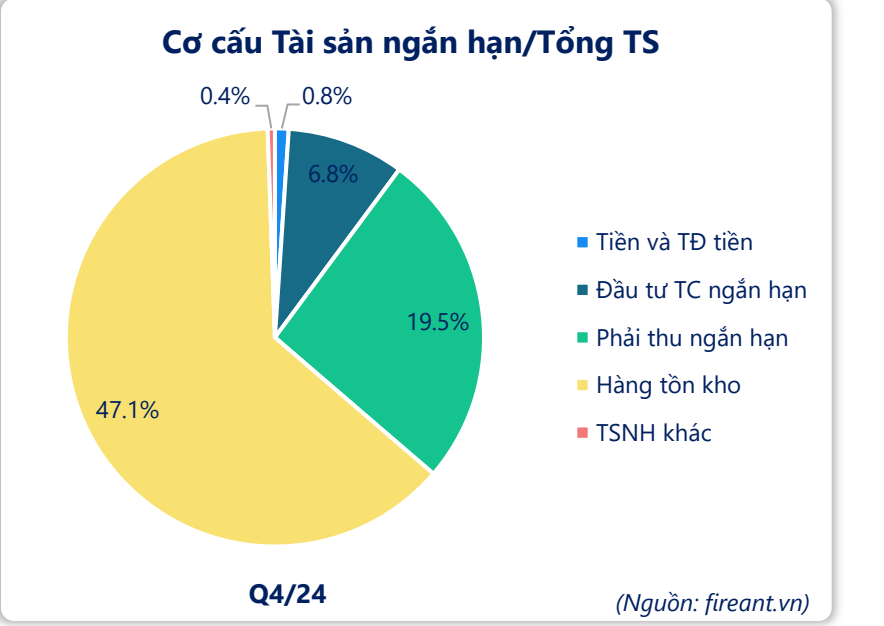
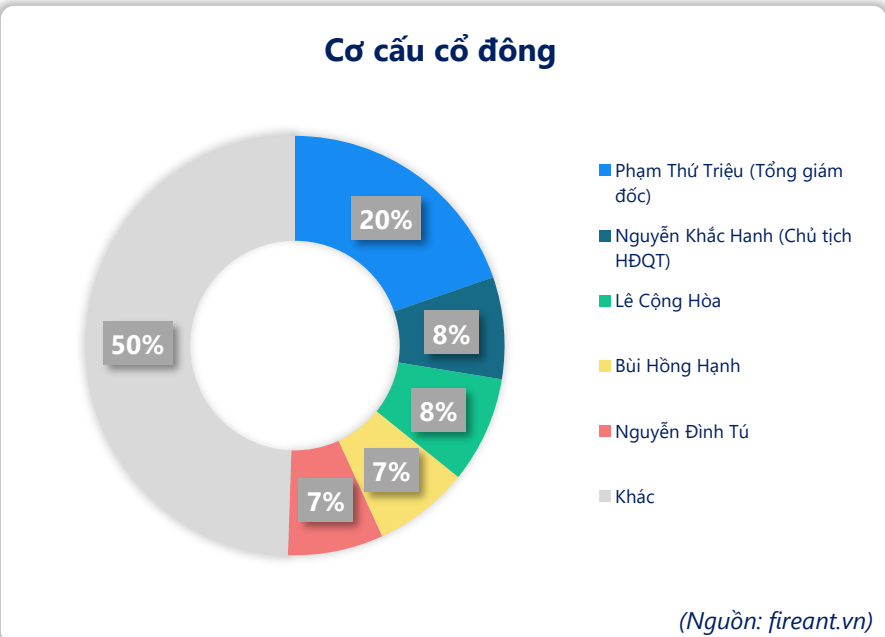
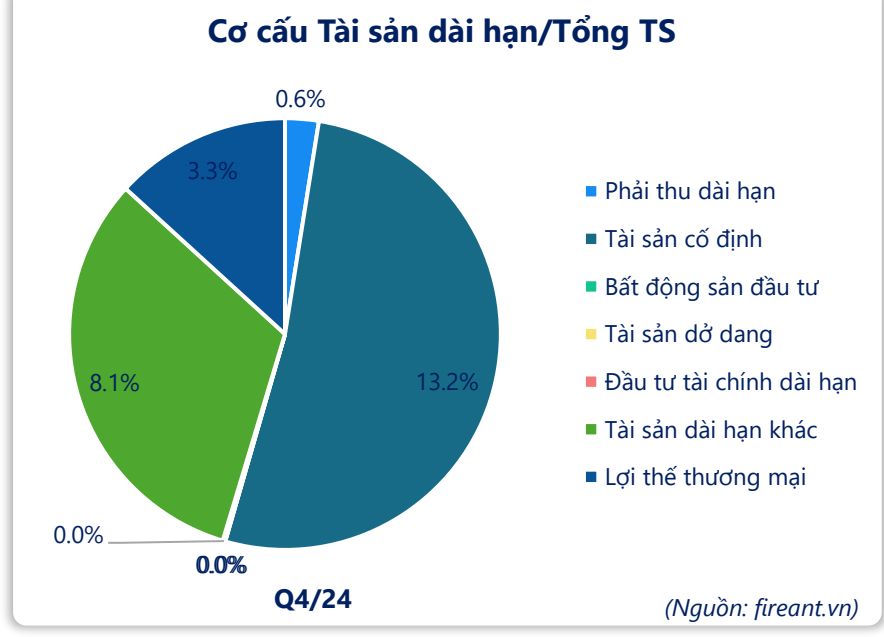
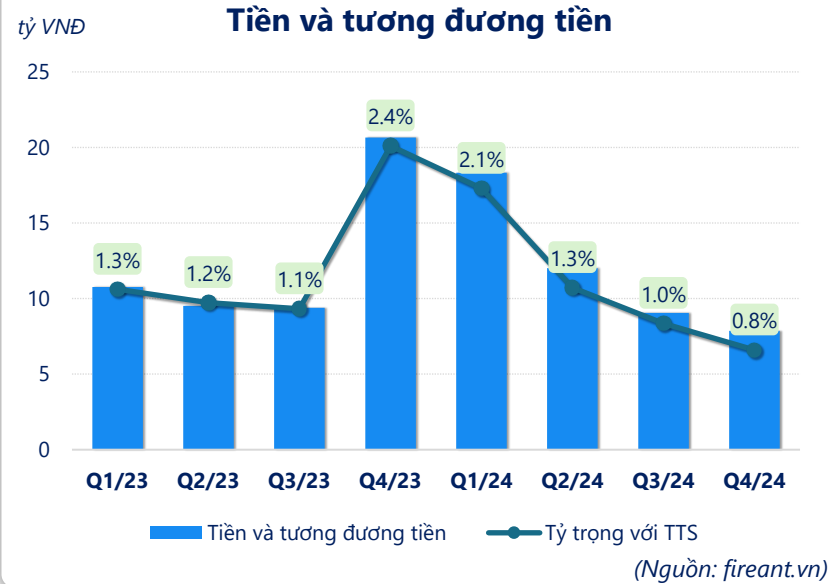
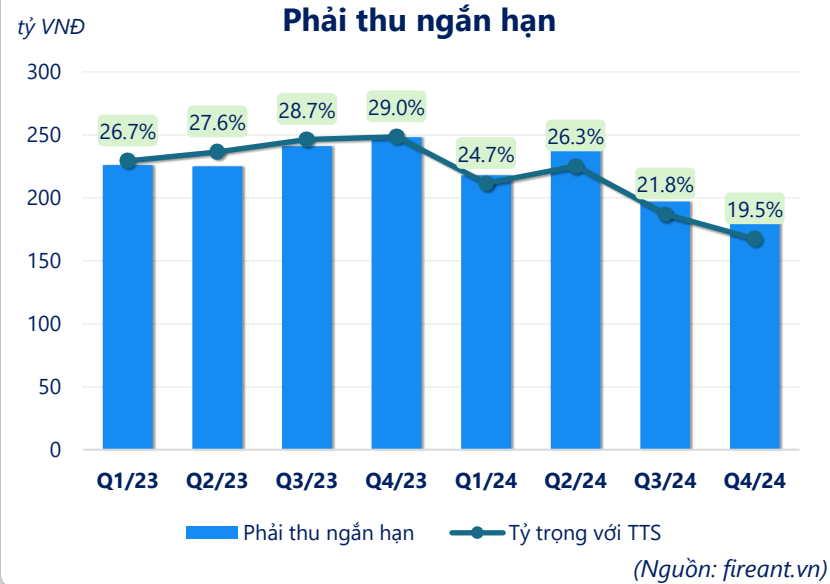
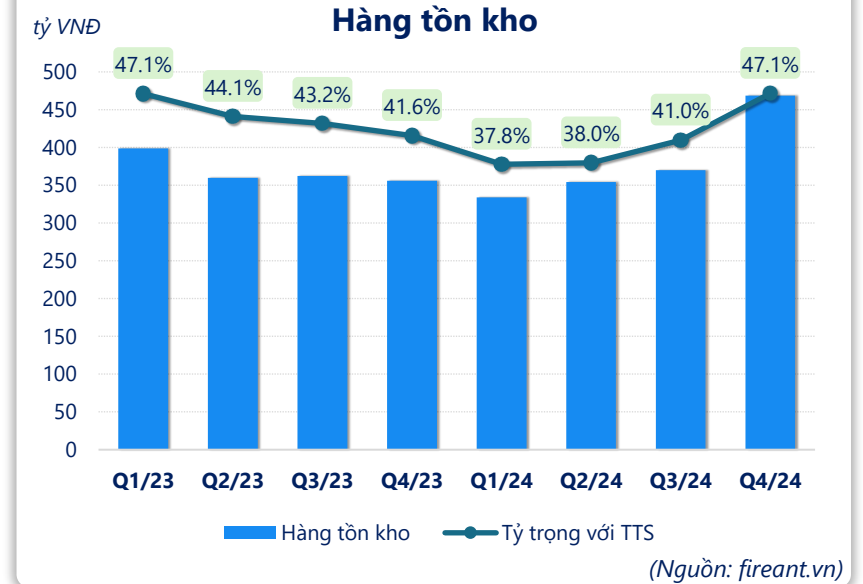
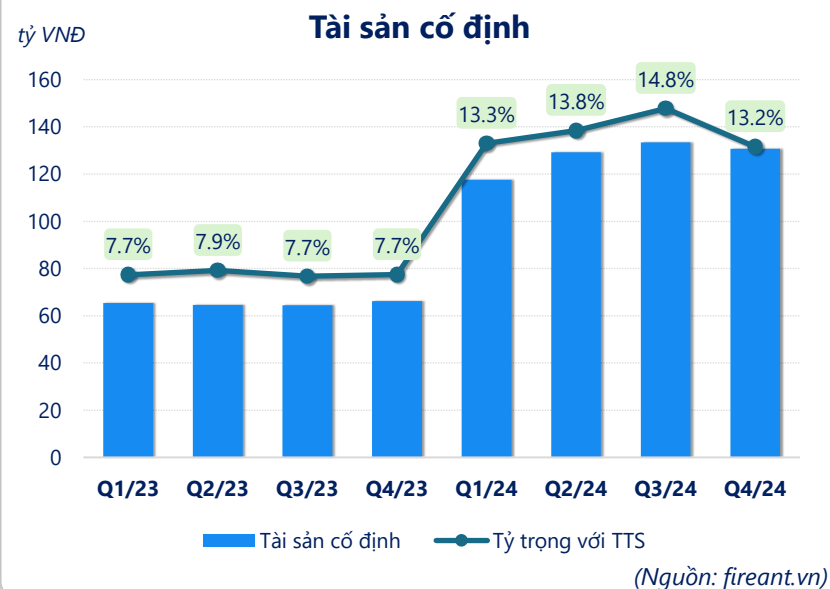
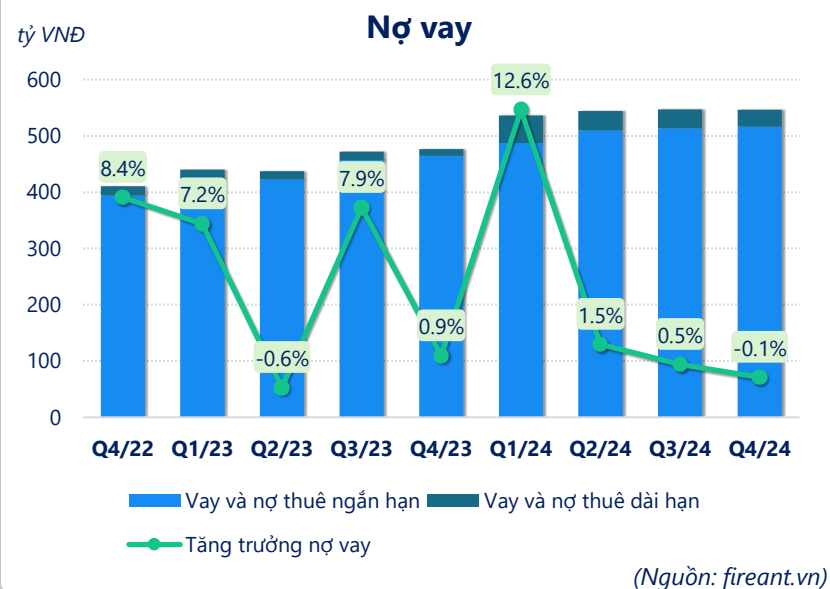
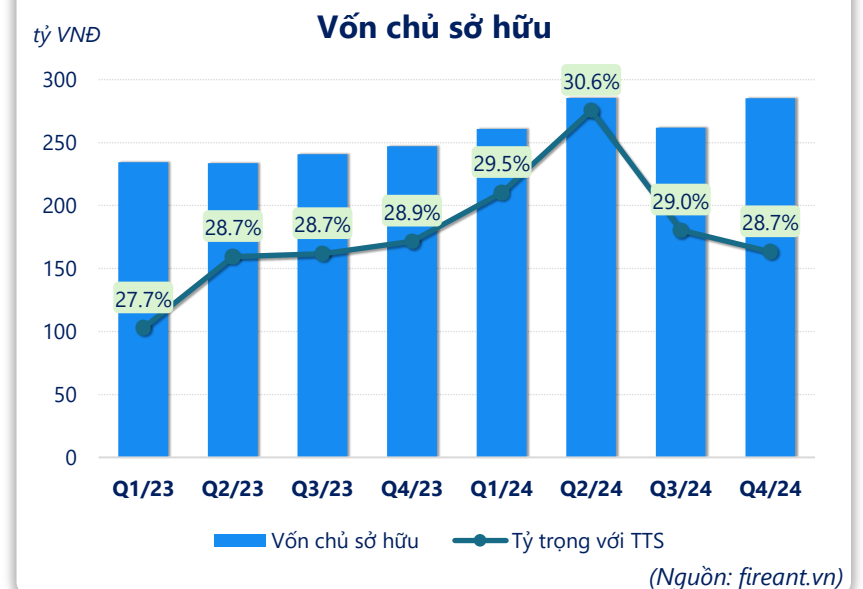
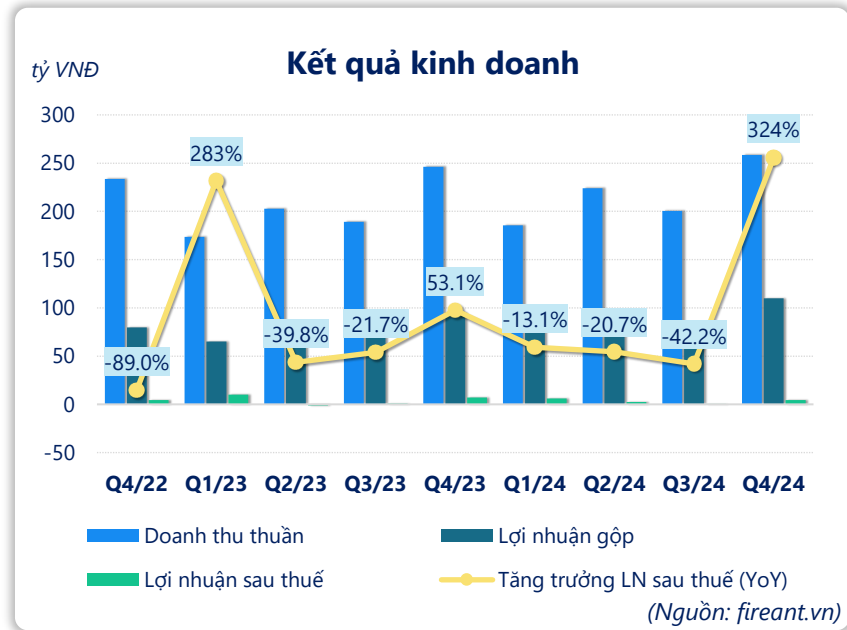
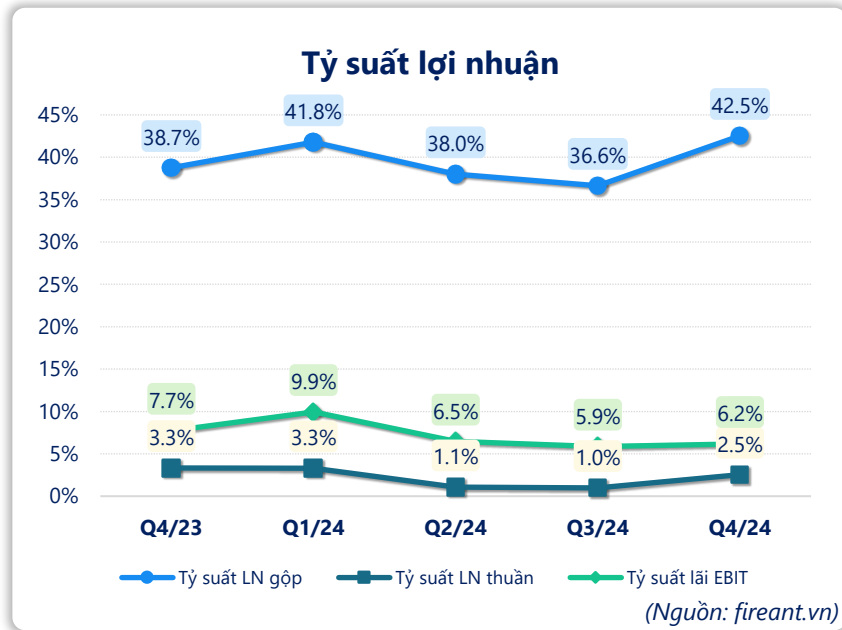
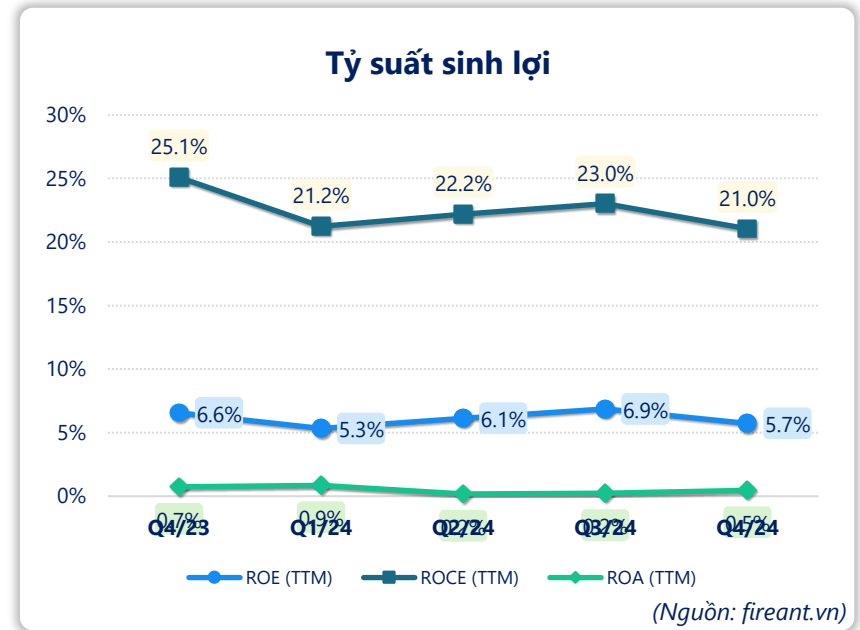
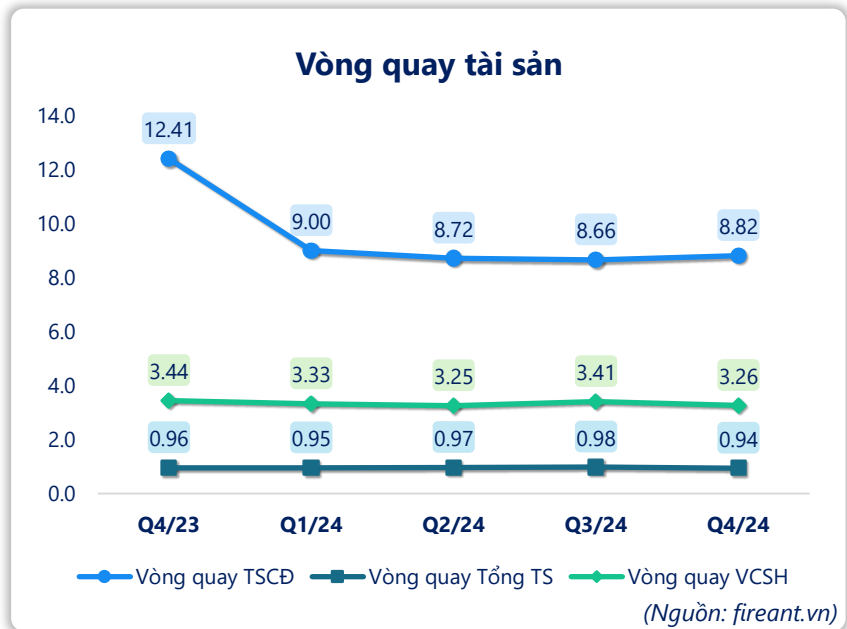
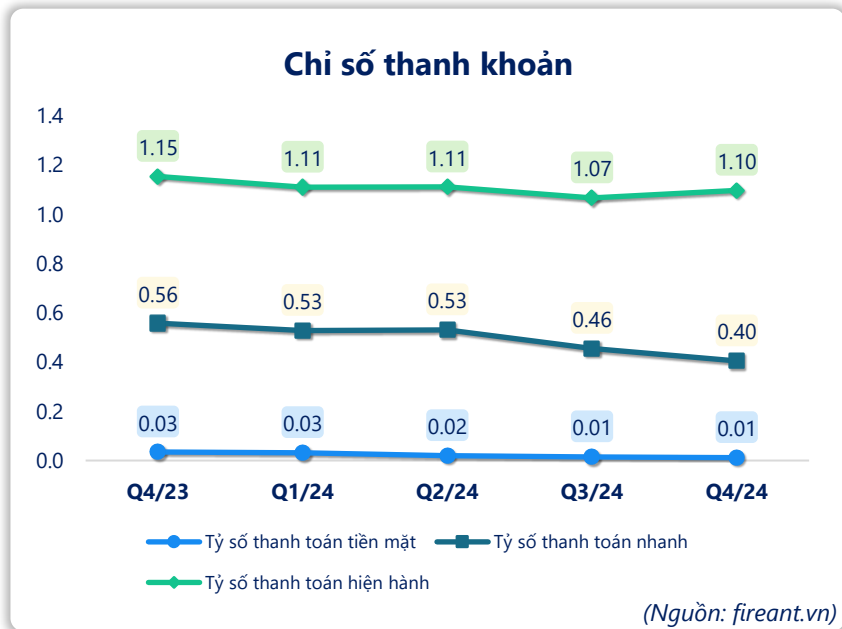
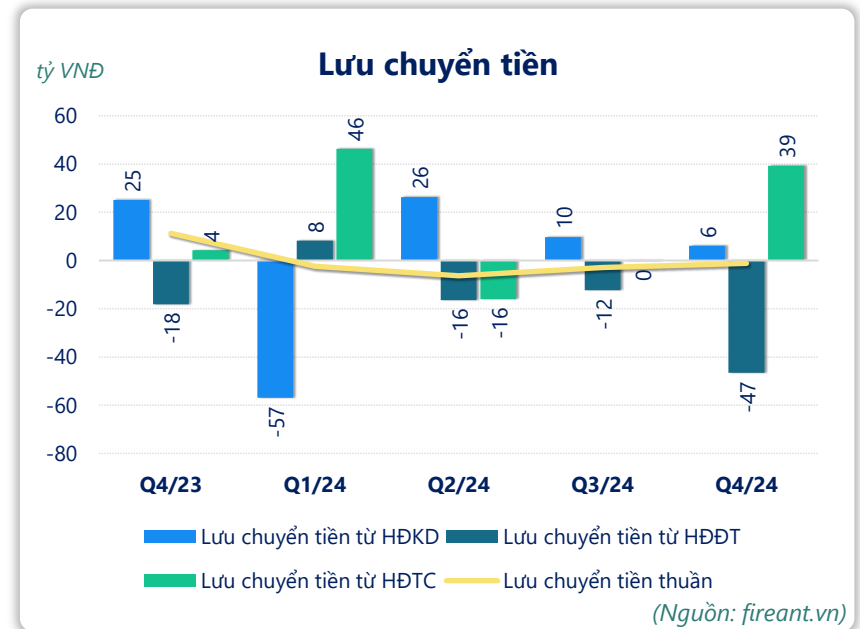


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,526
SL cổ phiếu LH		20,530,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,680
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		250
P/E		16.4
EPS		744

	YTD	1T	3T	6T
DBT		-3.9%	-1.6%	0.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	993	856	16.1%
Tài sản ngắn hạn	742	689	7.7%
Tiền và tương đương tiền	7.86	20.6	-61.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.4	61.1	10.4%
Phải thu ngắn hạn	194	248	-21.8%
Hàng tồn kho	468	356	31.6%
Tài sản ngắn hạn khác	4.09	3.08	32.9%
Tài sản dài hạn	252	167	50.9%
Phải thu dài hạn	6.34	3.08	106%
Tài sản cố định	131	66.3	97.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.48	7.76	-93.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	39.8	-100%
Tài sản dài hạn khác	80.8	48.9	65.1%
Lợi thế thương mại	33.3	0.90	3584%
Nợ phải trả	708	608	16.5%
Nợ ngắn hạn	676	596	13.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	516	465	11.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	117	83.8	39.8%
Nợ dài hạn	32.1	11.4	182%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.0	11.3	166%
Nguồn vốn chủ sở hữu	285	248	15.1%
Vốn chủ sở hữu	285	248	15.1%
Vốn điều lệ	205	163	25.8%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	246	185	224	201	258
Giá vốn hàng bán	151	108	139	127	148
Lợi nhuận gộp	95.4	77.4	85.2	73.5	110
Doanh thu HĐTC	1.19	4.69	-0.30	2.57	1.56
Chi phí TC	10.7	10.2	10.6	9.74	10.1
Chi phí lãi vay	10.7	9.92	10.2	9.85	10.2
LN trong công ty LKLD	-1.36	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	61.0	49.8	59.7	50.6	76.5
Chi phí QLDN	15.4	15.9	12.2	13.8	18.2
LN thuần từ HĐKD	8.20	6.13	2.37	1.97	6.58
Lợi nhuận khác	0.18	2.39	1.93	-0.07	-0.77
LN trước thuế	8.39	8.51	4.30	1.90	5.81
Lợi nhuận sau thuế	7.16	6.11	2.45	0.56	4.58
LNST của CĐ cty mẹ	6.24	7.40	1.59	2.03	4.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.1	-56.9	26.2	9.72	6.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.2	8.24	-16.5	-12.4	-46.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.30	46.3	-16.1	-0.30	39.3
Tiền đầu kỳ	9.38	20.6	18.3	12.0	9.05
Lưu chuyển tiền thuần	11.3	-2.31	-6.33	-2.95	-1.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	20.6	18.3	12.0	9.05	7.86

(Nguồn: fireant.vn)